



## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo thông số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

**Tên công ty đại chúng : CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**  
**Năm báo cáo : 2009**

### I. Lịch sử hoạt động của Công ty

#### 1. Những sự kiện quan trọng:

Tiền thân của Công ty cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist là Trung tâm Dịch vụ Tân Định, Quận 1, Tp.HCM, được thành lập vào năm 1989, hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực thương mại, khách sạn, và nhà hàng với số vốn ban đầu là 5.000.000 đồng.

Năm 1994, Trung tâm Dịch vụ Tân Định được nâng lên thành Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định trên cơ sở sáp nhập thêm Chi nhánh Dịch vụ Du lịch Fiditourist trực thuộc Liên hiệp Sản xuất Kinh doanh và Xuất nhập khẩu Quận 1 (Sunimex), tiền thân của Tổng Công ty Bến Thành sau này. Kể từ ngày 14/07/2000, căn cứ theo Quyết định số 4583/QĐ.UB.CNV ngày 14/07/2000 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định là thành viên hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

Khi mới hình thành, Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định hoạt động trong các lĩnh vực: kinh doanh thương mại, kinh doanh dịch vụ du lịch và vận chuyển. Sau hơn 10 năm tồn tại và phát triển, Công ty Thương mại và Dịch vụ Du lịch Tân Định đã bổ sung thêm nhiều chức năng nhằm phù hợp với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp kinh doanh du lịch nội địa và quốc tế.

Kể từ tháng 1/2005, Công ty Thương mại Dịch vụ Du lịch Tân Định Fiditourist được cổ phần hóa và chuyển thành Công ty cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist, chuyên kinh doanh dịch vụ lữ hành, lưu trú, văn phòng cho thuê và các lĩnh vực khác. Liên tục nhiều năm liền kể từ năm 2001 cho đến nay, Fiditour là một trong những doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành hàng đầu nằm trong Topten của Việt Nam trong lĩnh vực du lịch trong nước và nước ngoài với tổng doanh thu hàng năm đạt mức 12 triệu đô la Mỹ và phục vụ khoảng 70 ngàn khách quốc tế và nội địa mỗi năm. Fiditour cũng là thành viên chính thức của các Hiệp hội Du lịch quốc tế (PATA, ASTA, JATA), Hiệp hội Du lịch Việt Nam (VTA) và Hiệp hội Du lịch Tp.HCM (HTA). Công ty hiện có nhiều đầu mối kinh doanh du lịch ở trong nước, là đối tác của hơn 60 hãng lữ hành nước ngoài ở nhiều nước khác nhau.

#### 2. Quá trình phát triển

+ Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ngày 24/01/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 04/07/2008, Công

ty được kinh doanh các ngành nghề sau:

“Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đối ngoại tệ. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy. Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc. Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản. Kinh doanh vũ trường và massage (không kinh doanh tại trụ sở). Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng. Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý)./. Bổ sung : Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề. Bổ sung: Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp). Cung cấp thông tin lên mạng internet”.

+ Tình hình hoạt động:

Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn do tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu nhưng kết quả kinh doanh 2009 của Công ty Fiditour đạt kết quả khá, hoạt động của Công ty Fiditour tiếp tục đạt được sự phát triển trên nhiều mặt, tiếp tục khẳng định vị trí hàng đầu của thương hiệu Fiditour trong ngành du lịch, đảm bảo mức cổ tức khá, tạo thu nhập ổn định cho CBCNV. So với năm 2008, doanh thu năm 2009 của lĩnh vực kinh doanh truyền thống (lữ hành, lưu trú...) tăng trưởng nhẹ, lãi gộp và lãi trước thuế tăng từ 17 – 38%, cổ tức 18% bằng tiền mặt cho cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập tăng cho gần 500 lao động với thu nhập bình quân đạt mức 4.574.000 đ/người/tháng, thương hiệu Fiditour tiếp tục được khách hàng, công chúng ủng hộ, công nhận qua các giải thưởng như Doanh nghiệp lữ hành hàng đầu, Thương hiệu Việt được yêu thích...

Để đạt được kết quả này, Fiditour đã tiếp tục triển khai chiến lược mở rộng thị phần kinh doanh, tăng cường công tác quản lý chất lượng, chăm sóc khách hàng, đa dạng các hình thức quảng bá trên báo in, báo mạng, truyền hình, phát thanh song song với các hình thức quảng cáo sản phẩm trong từng giai đoạn. Các đơn vị kinh doanh đã phát huy được thế mạnh của thương hiệu, uy tín Công ty, có tốc độ tăng trưởng tốt như In bound, Outbound, Du lịch trong nước, Vé. Phòng Thị trường quốc tế đã tổ chức thành công nhiều tour mice cho khách nước ngoài. Phòng Outbound bắt đầu phát triển mạnh và đều các tour xa như Châu Âu, Úc, Nhật, Mỹ, Hàn, Nam Phi. Phòng Du lịch trong nước đã tổ chức thành công các tour mạnh như Côn Đảo, Phú Quốc, các đoàn lớn của tập đoàn nước ngoài. Năm 2009, trung tâm vận chuyển được tăng cường thêm xe, nhân sự, phục vụ tốt cho khối kinh doanh lữ hành và kinh doanh có lãi. Chi nhánh Hà nội năm 2009 có bước phát triển vượt bậc, nhân sự tăng gần 50 %, đã có những đoàn khách lớn và độ nhận biết thương hiệu được cải thiện tại khu vực phía Bắc.

\_ Trong lĩnh vực khách sạn, bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng phục vụ, quan tâm chăm sóc khách tận tình, tạo không khí thân thiện, ấm cúng và gia tăng các dịch vụ khác cho khách như sử dụng wifi, đặt vé, gia hạn visa, thuê xe... để tạo dấu ấn riêng cho đơn vị, đồng thời nâng cấp cơ sở vật chất: sơn sửa lại khách sạn Hoàng Gia, chỉnh sửa làm mới nhà hàng Xoay, cải tạo nhà hàng Hoàng Lan.

Năm 2009, Công ty đặc biệt chú trọng công tác nâng cao chất lượng các sản phẩm kinh doanh, duy trì chính sách kiểm tra, giám sát định kỳ, tiếp tục hoàn thiện và xây dựng các tour mẫu chuẩn đối với du lịch trong nước và du lịch nước ngoài. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức các khóa bồi dưỡng kỹ năng tiếp thị, chào hàng, tính tour cho đội ngũ nhân viên kinh doanh để gia tăng khả năng thuyết phục khách hàng cho mỗi nhân viên. Đối với nhân viên kinh doanh thị trường quốc tế, Công ty đã trang bị các thiết bị chuyên dùng như máy vi tính xách tay, đĩa CD, máy chiếu slide ... để hỗ trợ công tác quảng bá, chào hàng tại các hội chợ quốc

tế. Đối với dịch vụ vé máy bay, Công ty tập trung nâng cao chất lượng phục vụ trong tham vấn đường bay, tính giá, giao vé. Trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú, Công ty chú trọng nâng cấp trang thiết bị, nâng cao kỹ năng phục vụ, giao tiếp của nhân viên...

Đối với việc phát triển bộ máy, Công ty tiếp tục duy trì công tác đào tạo cán bộ tại chỗ, đồng thời tìm kiếm các nhân sự có khả năng trong các lĩnh vực kinh doanh tiếp thị, nhân sự bổ sung đội ngũ cán bộ quản lý để đáp ứng nhu cầu phát triển, mở rộng mạng lưới kinh doanh song song với việc cải tiến chính sách lương, thưởng, đãi ngộ.

### **3. Định hướng phát triển**

+ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty :

- Phân đấu trở thành công ty du lịch hàng đầu về chất lượng, chăm sóc khách hàng, đa dạng sản phẩm.
- Tăng doanh thu, tăng khả năng nhận biết thương hiệu của khách hàng, tối đa hóa khả năng tiếp cận khách hàng.
- Cải thiện môi trường làm việc, xây dựng văn hóa doanh nghiệp với môi trường làm việc chuyên nghiệp.

+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn :

- Tiếp tục và nằm trong danh sách ba doanh nghiệp lữ hành hàng đầu Việt Nam.
- Chất lượng đạt chuẩn quốc tế
- Hệ thống chi nhánh đại lý đạt chuẩn.
- Chuyên nghiệp hóa hoạt động kinh doanh, quản lý tốt : Cải tiến môi trường và phong cách làm việc, cải tiến hệ thống quản lý và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng .

## **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

### **1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm**

So với năm 2008, khối lữ hành vẫn duy trì được sự tăng trưởng tốt trong năm 2009, một số đơn vị như phòng Thị trường quốc tế, du lịch nước ngoài, du lịch trong nước, vé vẫn tiếp tục khẳng định được vị thế dẫn đầu trong toàn Công ty, Trung tâm vận chuyển bắt đầu có lãi. Lĩnh vực du học đang có chuyển biến tích cực, Chi nhánh Hà Nội bắt đầu có nguồn khách riêng, là năm đầu tiên vượt kế hoạch được giao, thu nhập của CBCNV Chi nhánh được gia tăng đáng kể. Các Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh cũng bắt đầu phát huy hiệu quả. Đối với khối lưu trú, tình hình kinh doanh không khả quan. Đây cũng là tình trạng chung của ngành kinh doanh khách sạn, bên cạnh đó khách sạn Đặng Dung còn có thêm khó khăn do việc đào đường kéo dài, tiến độ xin giấy phép sửa chữa nhà hàng Hoàng Lan rất chậm do các trở ngại trong quy hoạch của Nhà nước. Lĩnh vực cho thuê văn phòng cũng chững lại vì diện tích cho thuê giảm. Về công tác quảng bá, quảng cáo, chăm sóc khách hàng đều có sự phát triển hơn so với năm trước, các trang web của Công ty được quan tâm đầu tư, cải tiến giao diện. Việc xây dựng các sản phẩm mới cũng được chú trọng, bước đầu mở thêm được thị phần và thu hút nguồn khách mới.

Về việc triển khai sửa chữa nhà hàng Hoàng Lan đến nay đã tương đối hoàn tất các thủ tục pháp lý, hiện đang xúc tiến ký kết hợp đồng với đơn vị thi công, dự kiến sẽ đưa vào khai thác kinh doanh trở lại vào đầu tháng 7/2010 với tổng kinh phí đầu tư 3.4 tỷ đồng.

## 2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch (tình hình tài chính và lợi nhuận so với kế hoạch)

STT	CHỈ TIÊU	DỰ KIẾN 2009	THỰC HIỆN 2009	TỈ LỆ (%)
1	Doanh thu	337,000,000,000	306,066,486,018	90.82
2	Lợi nhuận trước thuế	9,000,000,000	9,296,141,533	103.29
3	Lợi nhuận sau thuế	6,750,000,000	7,746,971,370	114.77
4	Chia cổ tức cho cổ đông	4,581,750,000	5,498,100,000	120
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	405,000,000	966,682,548	238.69
6	Quỹ đầu tư phát triển	202,500,000	984,748,038	486.3
7	Quỹ dự phòng tài chính	202,500,000	297,440,784	146.88
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1,358,250,000	-	0

## 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2009, Công ty đã tập trung đầu tư nguồn lực cho kinh doanh vận chuyển, hệ thống phân phối, các chi nhánh Hà Nội, Cần Thơ.

## 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Tiếp tục đầu tư cho lĩnh vực du lịch (sản phẩm, nhân lực...), phấn đấu trở thành một trong ba hãng lữ hành hàng đầu của Việt Nam.
- Mở rộng hệ thống phân phối thông qua kênh đại lý.
- Tập trung mở rộng lĩnh vực kinh doanh, đầu tư sâu lĩnh vực vận chuyển, du học, tiếp tục tìm kiếm nguồn mua, bán bất động sản.

## III. Báo cáo của Ban giám đốc

### 1. Báo cáo tình hình tài chính

#### 1.1 Phân tích một số chỉ số tài chính

Năm 2009, suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) và trên tổng tài sản đều thấp hơn so với năm 2008. Nguyên nhân chính là do tổng lợi nhuận năm 2008 cao gấp 4,5 lần so với tổng lợi nhuận năm 2009 nhờ vào hoạt động kinh doanh bất động sản. Tuy nhiên nếu chỉ xét ở góc độ kinh doanh truyền thống thì lợi nhuận trước thuế của năm 2009 vượt 38% so với năm 2008. Ngoài ra, phần lợi nhuận tích lũy từ năm 2008 cũng làm tăng vốn chủ sở hữu bình quân của năm 2009 và làm cho tỷ lệ của các chỉ tiêu ROE và ROA giảm xuống.

Các chỉ số thanh toán của năm 2009 vẫn đạt mức an toàn

<u>Chỉ tiêu khả năng sinh lời và khả năng thanh toán:</u>	Năm 2008	Năm 2009
LN trước thuế/ vốn CSH bình quân (ROE)	98,2 %	9%
LN trước thuế/ tổng tài sản bình quân (ROA)	34,7%	5%

Khả năng thanh toán nhanh	1,5 lần	1,4 lần
Khả năng thanh toán hiện hành	1,8 lần	1,7 lần

### 1.2 Những thay đổi về vốn cổ đông:

. Tính đến thời điểm 31/12/2009, FIDITOUR có tổng cộng 305.450 cổ phần đang lưu hành (100% là cổ phiếu phổ thông). Tổng vốn điều lệ là 30.545.000.000đ

### 1.3 Cổ tức:

Tỷ lệ cổ tức chia cho cổ đông năm 2009 là 18%. Tỷ lệ này của năm 2008 là 30% do có được lợi nhuận từ kinh doanh bất động sản.

## 2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Hầu hết các chỉ tiêu hoạt động năm 2009 đều vượt mức kế hoạch đặt ra. Theo đó, FIDITOUR vẫn đang duy trì vị thế một trong mười công ty lữ hành hàng đầu .

STT	CHỈ TIÊU	DỰ KIẾN 2009	THỰC HIỆN 2009	TỈ LỆ (%)
1	Doanh Thu	337,000,000,000	306,066,486,018	90.82
2	Lợi nhuận trước thuế	9,000,000,000	9,296,141,533	103.29
3	Lợi nhuận sau thuế	6,750,000,000	7,746,971,370	114.77
4	Chia cổ tức cho cổ đông	4,581,750,000	5,498,100,000	120
5	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	405,000,000	966,682,548	238.69
6	Quỹ đầu tư phát triển	202,500,000	984,748,038	486.3
7	Quỹ dự phòng tài chính	202,500,000	297,440,784	146.88
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	1,358,250,000	-	0

### 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Tiếp tục tăng cường công tác quản lý chiều sâu, triển khai đồng bộ các chương trình tài chính, nhân sự, điều hành và cải thiện sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trong công tác quảng bá, tiếp thị, chăm sóc khách hàng, xây dựng sản phẩm mới.

- Các biện pháp kiểm soát: Kiểm soát tài chính, đầu vào dịch vụ, lựa chọn kỹ đối tác nhằm giảm thiểu giá thành, tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của Công ty.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Tăng cường đầu tư tài chính song song với giám sát hiệu quả của các dự án đã đầu tư.
- Triển khai dự án bất động sản ở Đắk Nông.

## IV. Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>86,569,494,140</b>	<b>74,757,761,826</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>32,865,689,892</b>	<b>16,927,520,611</b>
1. Tiền	111		13,365,689,892	16,927,520,611
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,500,000,000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>10,046,062,000</b>	<b>24,043,992,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10,212,694,862	24,210,624,862
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(166,632,862)	(166,632,862)
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>17,137,601,109</b>	<b>13,705,800,269</b>
1. Phải thu khách hàng	131		14,026,318,471	11,784,623,040
2. Trả trước cho người bán	132		2,014,379,546	1,494,343,293
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1,096,903,092	426,833,936
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.4)	<b>16,965,994,877</b>	<b>10,546,857,498</b>
1. Hàng tồn kho	141		16,965,994,877	10,546,857,498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9,554,146,262</b>	<b>9,533,591,448</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		432,097,269	951,414,174
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	242,276,894
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	9,122,048,993	8,339,900,380
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>19,856,533,602</b>	<b>21,566,876,051</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>39,500,000</b>	<b>53,400,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		39,500,000	53,400,000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	(5.6)	<b>15,253,699,935</b>	<b>17,236,653,147</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		<b>15,090,595,371</b>	<b>17,044,653,592</b>
+ Nguyên giá	222		40,132,903,974	39,266,145,797
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25,042,308,603)	(22,221,492,205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	<b>78,363,005</b>	<b>103,167,919</b>
+ Nguyên giá	228		205,607,544	205,607,544
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(127,244,539)	(102,439,625)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		84,741,559	88,831,636
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.8)	<b>2,229,720,000</b>	<b>1,958,100,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	6	2,229,720,000	1,958,100,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,333,613,667</b>	<b>2,318,722,904</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,946,439,267	1,891,548,504

3. Đầu tư dài hạn khác	258	2,229,720,000	1,958,100,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>2,333,613,667</b>	<b>2,318,722,904</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	1,946,439,267	1,891,548,504
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	387,174,400	427,174,400
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>106,426,027,742</b>	<b>96,324,637,877</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>52,169,941,670</b>	<b>43,111,634,613</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>50,919,606,260</b>	<b>41,921,102,485</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	545,000,000	545,000,000
2. Phải trả người bán	312		3,299,211,371	4,091,350,844
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	27,319,705,126	23,703,774,511
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	1,890,841,978	676,372,282
5. Phải trả người lao động	315		1,677,063,918	3,804,510,843
6. Chi phí phải trả	316		756,610,961	245,631,970
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	15,431,172,906	8,854,462,035
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,250,335,410</b>	<b>1,190,532,128</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.13)	1,250,335,410	1,190,532,128
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	(5.14)	<b>54,256,086,072</b>	<b>53,213,003,264</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>53,596,356,917</b>	<b>52,314,168,095</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30,545,000,000	30,545,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5,026,050,568	4,041,302,530
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1,303,148,877	1,005,708,093
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16,722,157,472	16,722,157,472
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>659,729,155</b>	<b>898,835,169</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		659,729,155	898,835,169
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>106,426,027,742</b>	<b>96,324,637,877</b>

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ		-	-
+ USD		33,278.66	-
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**

### **BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Th. minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	306,066,486,018	415,691,965,107
2. Các khoản giảm trừ	02	(6.1)	553,551,970	526,514,350
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	305,512,934,048	415,165,450,757
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	284,872,114,195	359,735,840,969
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		20,640,819,853	55,429,609,788
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3,419,622,916	5,567,914,882
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	275,173,632	1,243,788,597
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		55,590,000	988,043,334
8. Chi phí bán hàng	24		-	2,784,411,110
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	16,175,958,808	16,741,836,483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,609,310,329	40,227,488,480
11. Thu nhập khác	31		1,999,597,259	1,647,914,481
12. Chi phí khác	32		312,766,055	42,249,132
13. Lợi nhuận khác	40		1,686,831,204	1,605,665,349
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9,296,141,533	41,833,153,829
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1,549,170,163	12,124,029,076
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,746,971,370	29,709,124,753
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		25,362	97,263



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		9,296,141,533	41,833,153,829
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3,163,021,706	3,192,501,536
Các khoản dự phòng	03		-	166,632,862
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3,088,291,514)	(40,627,923,163)
Chi phí lãi vay	06		55,590,000	988,043,334
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>9,426,461,725</b>	<b>5,552,408,398</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3,957,772,559)	(5,596,753,922)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(6,419,137,379)	672,631,881
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		7,740,870,448	(5,291,948,383)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		468,516,219	1,189,475,866
Tiền lãi vay đã trả	13		(55,590,000)	(988,043,334)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(291,536,836)	(12,128,287,307)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		458,759,264	446,330,818
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1,564,744,544)	(1,702,328,024)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5,805,826,338</b>	<b>(17,846,514,007)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1,376,466,222)	(4,709,868,434)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		335,483,935	110,533,052,954
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		13,997,930,000	(24,020,933,400)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(271,620,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,945,115,230	5,564,981,549
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>15,630,442,943</b>	<b>87,367,232,669</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(62,500,000,000)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5,498,100,000)	(9,163,500,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(5,498,100,000)</b>	<b>(71,663,500,000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>15,938,169,281</b>	<b>(2,142,781,338)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>16,927,520,611</b>	<b>19,070,301,949</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>32,865,689,892</b>	<b>16,927,520,611</b>

# BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2009

*Bảng thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.*

## **1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

### **1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du Lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 05 tháng 10 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-12A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

### **1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đối ngoại tệ. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy. Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc. Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản. Kinh doanh vũ trường và massage. Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng. Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý). Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề. Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp).

## **2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

### **2.1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### **2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## **3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

### **3.1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### **3.2. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### **3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

*Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.*

#### **4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### **4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### **4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài

sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5-25 năm
+ Máy móc thiết bị	4-12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5-12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4-12 năm
+ Phần mềm máy tính	2-4 năm

#### **4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### **4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

#### **4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### **4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế
  - + Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 15% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.
  - + Quỹ dự phòng tài chính được trích với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức
  - + Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích với tỷ lệ 65% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.

#### 4.9. Thuế

▪ Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

▪ Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 thì Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007 đến năm 2009).

▪ Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

### 5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

#### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	5.481.270.572	3.384.967.844
Tiền gửi ngân hàng	7.884.419.320	13.542.552.767
Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>32.865.689.892</b>	<b>16.927.520.611</b>

#### 5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	212.694.862	210.624.862
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	24.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(166.632.862)	(166.632.862)
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.046.062.000</b>	<b>24.043.992.000</b>

#### 5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	14.026.318.471	11.784.623.040
Trả trước người bán	2.014.379.546	1.494.343.293
Phải thu khác	1.096.903.092	426.833.936
<b>Cộng</b>	<b>17.137.601.109</b>	<b>13.705.800.269</b>

Phải thu khách hàng bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng mua vé máy bay	9.124.319.454	5.780.900.051

Khách hàng mua vé tour	4.567.490.469	4.862.309.764
Các khách hàng khác	334.508.548	1.141.413.225
<b>Cộng</b>	<b>14.026.318.471</b>	<b>11.784.623.040</b>

#### 5.4. Hàng tồn kho

	<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	54.837.222	48.784.325
Công cụ, dụng cụ	26.592.450	83.982.450
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.697.534.057	10.310.107.746
Hàng hoá	187.031.148	103.982.977
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b>16.965.994.877</b>	<b>10.546.857.498</b>

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu chi phí các tour đã thực hiện trong năm 2009 nhưng chưa quyết toán là 16.477.262.962 đồng.

#### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho hướng dẫn viên du lịch để thực hiện tour.

#### 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	23.750.387	5.827.479	6.921.257	2.767.023	39.266.146
Mua trong năm	-	561.827	753.697	60.942	1.376.466
Thanh lý	-	72.257	437.451	-	509.708
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.750.387</b>	<b>6.317.049</b>	<b>7.237.503</b>	<b>2.827.965</b>	<b>40.132.904</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	14.365.560	3.858.947	2.512.667	1.484.318	22.221.492
Khấu hao trong năm	1.740.501	382.895	764.976	249.846	3.138.217
Thanh lý	-	72.257	245.144	-	317.400
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>16.106.061</b>	<b>4.169.584</b>	<b>3.032.499</b>	<b>1.734.164</b>	<b>25.042.309</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	9.384.827	1.968.533	4.408.590	1.282.704	17.044.654
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>7.644.326</b>	<b>2.147.465</b>	<b>4.205.004</b>	<b>1.093.801</b>	<b>15.090.595</b>

#### 5.7. Tài sản cố định vô hình

ĐVT: ngàn đồng

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Nguyên giá	205.608		-	205.608
Khấu hao lũy kế	102.440	24.805	-	127.245

Giá trị còn lại	<b>103.168</b>	-	-	<b>78.363</b>
-----------------	----------------	---	---	---------------

#### 5.8. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu của các đơn vị sau:		
Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu	1.629.720.000	1.358.100.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC	400.000.000	400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.229.720.000</b>	<b>1.958.100.000</b>

#### 5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1 với lãi suất cho vay là 0,85%/ và không được đảm bảo.

#### 5.10. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền tour năm nay	17.051.438.491	16.928.403.329
Khách hàng ứng trước tiền tour năm sau	9.270.641.467	5.980.962.933
Khác	997.625.168	794.408.249
<b>Cộng</b>	<b>27.319.705.126</b>	<b>23.703.774.511</b>

Khách hàng ứng trước tiền tour du lịch năm nay là doanh thu các tour du lịch trong năm đã hoàn thành nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng để ghi nhận doanh thu do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn.

#### 5.11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế GTGT	189.887.273	418.402.997
Thuế tiêu thụ đặc biệt	6.136.460	9.681.767
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.549.170.164	248.287.518
Thuế thu nhập cá nhân	145.648.081	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.890.841.978</b>	<b>676.372.282</b>

#### 5.12. Phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT	666.513.291	326.495.367
Doanh thu các tour du lịch chưa quyết toán	13.765.634.047	6.665.260.163
Doanh thu nhận trước khác	-	167.634.494
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	30.000
Thù lao HĐQT và BKS	-	732.900.000
Phải trả khác	999.025.568	962.142.011

**Tổng cộng****15.431.172.906****8.854.462.035**

Doanh thu các tour du lịch chưa quyết toán là doanh thu các tour du lịch đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn cho khách hàng do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn, do đó chưa ghi nhận doanh thu trong kỳ này.

**5.13. Phải trả dài hạn khác**

Chủ yếu là khoản nhận ký quỹ cho thuê văn phòng, mặt bằng.

**5.14. Vốn chủ sở hữu****5.14.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

DVT: triệu đồng

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<u>30.545</u>	<u>1.944</u>	<u>431</u>	<u>539</u>	<u>-</u>	<u>33.459</u>
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	29.709	29.709
Trích quỹ trong năm trước	-	2.097	575	1.150	(3.823)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(9.164)	(9.164)
Giảm khác	-	-	-	(790)	-	(790)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<u><b>30.545</b></u>	<u><b>4.041</b></u>	<u><b>1.006</b></u>	<u><b>899</b></u>	<u><b>16.722</b></u>	<u><b>53.213</b></u>
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	7.747	7.747
Trích quỹ trong năm nay	-	985	297	967	(2.249)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.498)	(5.498)
Giảm khác	-	-	-	(1.206)	-	(1.206)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<u><b>30.545</b></u>	<u><b>5.026</b></u>	<u><b>1.303</b></u>	<u><b>660</b></u>	<u><b>16.722</b></u>	<u><b>54.256</b></u>

**5.14.2. Chi tiết vốn góp của các cổ đông**

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<u><b>30.545.000.000</b></u>	<u><b>30.545.000.000</b></u>

**5.14.3. Lợi nhuận chưa phân phối**

	Cuối năm	Đầu năm
<b>Tại thời điểm đầu năm</b>	16.722.157.472	-



Lợi nhuận sau thuế trong năm	7.746.971.370	29.709.124.753
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	984.748.038	2.097.756.783
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	297.440.784	575.236.833
Trích lập Quỹ khen thưởng	966.682.548	1.150.473.665
Chia cổ tức	5.498.100.000	9.163.500.000
<b>Tại thời điểm cuối năm</b>	<b>16.722.157.472</b>	<b>16.722.157.472</b>

#### 5.14.4. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông sau ngày kết thúc niên độ	5.498.100.000	9.163.500.000

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán năm nay với tỷ lệ là 18% trên một cổ phần của Công ty.

#### 5.14.5. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	305.450	305.450
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	305.450	305.450

#### 5.14.6. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	7.746.971.370	29.875.757.615
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	305.450	305.450
<b>Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)</b>	<b>25.362</b>	<b>97.263</b>

### 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

#### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	8.970.469.190	9.532.625.329
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	10.851.985.475	11.554.883.752
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	226.395.324.225	203.409.599.781
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	4.370.051.556	2.461.192.934
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	55.478.655.571	188.733.663.311
Hàng bán bị trả lại	(320.951.353)	(242.464.425)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(232.600.616)	(284.049.925)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>305.512.934.048</b>	<b>415.165.450.757</b>

#### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	3.267.463.025	2.902.537.400
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	8.126.171.182	8.179.985.121
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	212.394.710.551	193.569.148.097
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	3.673.058.810	1.890.772.615
Giá vốn của dịch vụ khác	49.033.630.592	145.289.244.390
Giá vốn kinh doanh chi phí chung	8.377.080.035	7.904.153.346
<b>Tổng cộng</b>	<b>284.872.114.195</b>	<b>359.735.840.969</b>
<b>6.3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	2.945.115.230	5.461.960.372
Cổ tức	173.249.000	54.795.366
Lãi do thu đổi ngoại tệ	300.466.497	51.159.144
Khác	792.189	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.419.622.916</b>	<b>5.567.914.882</b>
<b>6.4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.590.000	988.043.334
Lỗ do thu đổi ngoại tệ	219.583.632	86.179.068
Chi phí đầu tư tài chính	-	2.933.333
Chi phí dự phòng tài chính	-	166.632.862
<b>Tổng cộng</b>	<b>275.173.632</b>	<b>1.243.788.597</b>
<b>6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	9.483.249.698	8.396.892.043
Chi phí đồ dùng văn phòng	442.718.017	305.880.485
Chi phí khấu hao	242.773.025	207.702.795
Chi phí dịch vụ mua ngoài	97.675.037	72.628.836
Chi phí khác	5.909.543.031	7.758.732.324
<b>Tổng cộng</b>	<b>16.175.958.808</b>	<b>16.741.836.483</b>
<b>6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế với thuế suất 25%	1.523.334.899	11.715.478.861
Thuế lũy tiến từ bán nhà 16 Trương Định	-	1.355.833.332

Chi phí thuế TNDN của khoản thu nhập khác với thuế suất 25%	787.502.714	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% bổ sung quỹ đầu tư phát triển	(761.667.450)	(947.283.117)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.549.170.163</b>	<b>12.124.029.076</b>

**7. Thông tin về các bên có liên quan**

- Lương Ban Giám đốc và Thù lao Hội đồng Quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Lương của Ban Giám đốc	691.200.000	687.408.100
Thù lao Hội đồng Quản trị	90.920.000	589.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>782.120.000</b>	<b>1.276.408.100</b>

**8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

**9. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 26 tháng 01 năm 2010.

## **V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán:**

**1. Kiểm toán độc lập:** công ty kiểm toán DTL

**2. Ý kiến của kiểm toán độc lập:**

**Số: 10.161 /BCKT-DTL.**

### ***BÁO CÁO KIỂM TOÁN***

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

#### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2010

***TỔNG GIÁM ĐỐC***

***KIỂM TOÁN VIÊN***

**ĐẶNG XUÂN CẢNH**  
Chứng chỉ KTV số Đ.0076/KTV

**ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN**  
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

## **VI. Các công ty có liên quan**

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty : Không có.
  - Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ : Không có.
- Cổ đông và thành viên góp vốn nước ngoài: không có

## **VII. Tổ chức và nhân sự**

- Cơ cấu tổ chức của công ty

### **+ Tình hình tổ chức bộ máy của đơn vị :**

Trong năm 2009, Công ty đã thành lập một số đơn vị, phòng ban mới để đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty: Ban quản lý dự án, Nhà hàng xoay Hoàng Gia, Phòng Tiếp thị. Cụ thể đến nay, bộ máy hoạt động như sau :

\_ Ban Tổng giám đốc : gồm Tổng giám đốc và 02 Phó tổng giám đốc

\_ Các phòng ban, đơn vị trực thuộc :

+ 08 Phòng Nghiệp vụ :

- Phòng Tài chính – Kế toán – Kế hoạch
- Phòng Hành chính – Nhân sự
- Phòng Tiếp thị
- Phòng Quan hệ công chúng
- Ban Quản lý dự án
- Phòng Giao dịch
- Phòng Dịch vụ khách hàng và quản lý chất lượng.
- Phòng Công nghệ thông tin.

+ 07 Phòng Kinh doanh lữ hành

- Phòng Thị trường quốc tế.
- Phòng Du lịch trong nước
- Phòng Du lịch nước ngoài
- Đại lý Vé máy bay
- Trung tâm du học
- Trung tâm vận chuyên
- Trung tâm tổ chức sự kiện.

+ 03 Phòng Nghiệp vụ Lữ hành :

- Phòng Điều hành – Hướng dẫn
- Phòng Kế toán lữ hành
- Hệ thống phân phối.

+ 04 đơn vị lưu trú:

- Khách sạn Hoàng Gia
- Cụm Khách sạn Đặng Dung – Tân Định
- Nhà hàng xoay Hoàng Gia
- Văn phòng cho thuê 127 Nguyễn Huệ.

+ Hệ thống Chi nhánh và Văn phòng giao dịch gồm:

- Chi nhánh lữ hành tại 34 Phan Chu Trinh, Hà Nội.
- Văn phòng giao dịch tại thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh Cần Thơ (hoạt động đầu năm 2010)

- Văn phòng giao dịch tại 445 Bạch Đằng, phường 2, Bình Thạnh.
- Chi nhánh Chợ Lớn tại 385 Hồng Bàng, quận 5.
- Chi nhánh Hàng Xanh tại 271 Xô Viết Nghệ Tĩnh, quận Bình Thạnh.

\_ Tổ chức Đảng, Đoàn thể :

- + Chi bộ : gồm 19 Đảng viên
- + Đoàn thanh niên : gồm 85 đoàn viên

\_ Tổng số CBCNV chính thức là 471 người.

1.3- Tình hình tài chính và cơ sở vật chất :

- Vốn điều lệ : **30.545.000.000đ**

\_ Cơ sở vật chất kỹ thuật : Công ty hiện đang quản lý khai thác kinh doanh các cơ sở như sau:

+ 03 Khách sạn, với tổng số 78 phòng ( gồm khách sạn Hoàng Gia : 12 D Cách mạng tháng Tám, Khách sạn Đặng Dung : 54 Đặng Dung, Quận 1, Khách sạn Tân Định : 50A Đặng Dung, Quận 1) và 02 nhà hàng nằm trong khách sạn với sức chứa 310 chỗ ngồi (nhà hàng Đặng Dung, nhà hàng xoay).

- + Nhà hàng Hoàng Lan : 130 Trần Quang Khải, Quận 1 ( 117 chỗ ngồi ).
- + Văn phòng giao dịch 445 Bạch Đằng
- + Thuê các mặt bằng để kinh doanh Văn phòng cho thuê và làm trụ sở chi nhánh:

- Văn phòng cho thuê 127 Nguyễn Huệ.
- Chi nhánh Chợ Lớn
- Chi nhánh Hàng Xanh
- Chi nhánh Fiditour tại Hà Nội.
- Chi nhánh Cần Thơ.
- Văn phòng giao dịch tại thành phố Đà Nẵng.

- Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành:

<b>Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG</b>			
<b>Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc</b>			
<b>Giới tính</b>	Nam	<b>Quê quán</b>	Hà Nội
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	28/4/1958	<b>Địa chỉ thường trú</b>	161/2 Nguyễn Văn Thủ, P. Đa Kao, Q.1, Tp.HCM
<b>Nơi sinh</b>	Sài Gòn	<b>Số điện thoại cơ quan</b>	(84-8)3 914 1414
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam	<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Dân tộc</b>	Kinh	<b>Trình độ chuyên môn</b>	Thạc sỹ quản lý kinh tế
Quá trình công tác			
1981 -1985 : Cán bộ nghiên cứu – Phòng Khoa học quân sự, Bộ Tư lệnh TP.HCM			
1985 -1986 : Cán bộ nghiên cứu – Văn phòng Quận ủy Quận I			
1986 – 1989 : Chủ tịch UBND Phường 3, Quận I			
1989 – 01/2005 : Giám đốc Công ty TMDV DL Tân Định ( Fiditourist )			
02/2005 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Fiditour			
<b>Chức vụ hiện nay</b>	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị kiêm Tổng Giám đốc FIDITOUR (Chức vụ nắm giữ ở Tổ chức khác)		
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	48.000 cổ phần, trong đó: 18.000 cổ phần cá nhân 30.000 cổ phần đại diện Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn		

<b>Số cổ phần của những người có liên quan</b>	- Vợ : Nguyễn Thị Thanh Hương : 4.144 cổ phần		
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không có		
<b>Các khoản nợ đối với Công ty</b>	Không có		
<b>Lợi ích liên quan đối với Công ty</b>	Không có		
<b>Ông ĐẶNG TRUNG NGHĨA</b>			
<b>Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc</b>			
<b>Giới tính</b>	Nam	<b>Quê quán</b>	Tp. Hồ Chí Minh
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	23/10/1964	<b>Địa chỉ thường trú</b>	52A Nguyễn Thái Sơn, P.3, Q. Bình Thạnh, Tp.HCM
<b>Nơi sinh</b>	Thanh Mỹ Tây, Gia Định	<b>Số điện thoại cơ quan</b>	(84-8) 3914 1414
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam	<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Dân tộc</b>	Kinh	<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp
<b>Quá trình công tác</b>			
1987 – 1989: Nhân viên Kế hoạch Công ty Văn hóa Quận 11			
1989 – 2005: Nhân viên, Trưởng phòng Outbound Công ty TMDV DL Tân Định (Fiditourist)			
2005 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Fiditour			
<b>Chức vụ hiện nay</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc</li> <li>- (Chức vụ nắm giữ ở tổ chức khác)</li> </ul>		
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	6.815 cổ phần		
<b>Số cổ phần của những người có liên quan ...</b>			
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không có		
<b>Các khoản nợ đối với Công ty</b>	Không có		
<b>Lợi ích liên quan đối với Công ty</b>	Không có		

<b>Ông ĐOÀN THIÊN TÁNH</b>			
<b>Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc</b>			
<b>Giới tính</b>	Nam	<b>Quê quán</b>	P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, Tp. HCM
<b>Ngày tháng năm sinh</b>	8/4/1961	<b>Địa chỉ thường trú</b>	52/53 Nguyễn Hữu Cầu, P.Tân Định , Q.1, Tp.HCM
<b>Nơi sinh</b>	Tp. HCM	<b>Số điện thoại cơ quan</b>	(84-8)3 914 1414
<b>Quốc tịch</b>	Việt Nam	<b>Trình độ văn hóa</b>	12/12
<b>Dân tộc</b>	Kinh	<b>Trình độ chuyên môn</b>	Cử nhân Quản trị kinh doanh
<b>Quá trình công tác</b>			
1979 - 1983: Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự Phường 4, Quận I			
1983 - 1989: Phó chủ tịch UBND Phường 4, Quận I			
1989 - 2005: Phó Giám đốc Công ty TMDV DL Tân Định ( Fiditourist )			
2005 – nay: Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Fiditour			
<b>Chức vụ hiện nay</b>	- Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc Fiditour		
<b>Số cổ phần nắm giữ</b>	9.471 cổ phần		

<b>Số cổ phần của những người có liên quan</b>	
<b>Hành vi vi phạm pháp luật</b>	Không có
<b>Các khoản nợ đối với Công ty</b>	Không có
<b>Lợi ích liên quan đối với Công ty</b>	Không có

- Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm : Không.

- Quyền lợi của Ban giám đốc : Tổng tiền lương , thưởng và thu nhập khác của ban tổng giám đốc trong năm 2009 là 955.100.000đ.

- Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

Tổng số lao động trong Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 433 người, tăng 3.3% với cơ cấu như sau:

<b>Phân loại lao động</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Tỷ lệ</b>
<b>Phân theo trình độ lao động</b>		
Trình độ trên đại học	01	0,2%
Trình độ đại học	180	41,6%
Trình độ trung cấp và cao đẳng	182	42 %
Trình độ sơ cấp, lao động phổ thông và công nhân kỹ thuật	70	16,2%
<b>Tổng cộng</b>	433	
<b>Phân theo đối tượng lao động</b>		
Lao động trực tiếp	163	37,6%
Lao động gián tiếp	270	62,4%
<b>Tổng cộng</b>	433	

*Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp:*

### **Chế độ làm việc:**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ngày. Đối với bộ phận gián tiếp làm việc trong giờ hành chính và đảm bảo 40 giờ/ tuần. Đối với bộ phận làm việc trực tiếp như nhân viên khối lưu trú được bố trí làm việc theo ca, làm việc 48 giờ/ tuần.

### **Chính sách lương:**

Đối với cán bộ công nhân viên làm việc gián tiếp Công ty trả lương theo thời gian. Đối với cán bộ công nhân viên làm việc trực tiếp, Công ty trả lương theo chế độ thời gian và thưởng theo hiệu quả hoạt động kinh doanh từng cá nhân, căn cứ vào tính hiệu quả kinh doanh của từng cá nhân Công ty thưởng theo chế độ bậc thang 10%, 15%, 20%,... Nhằm khuyến khích cán bộ công nhân viên nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, hàng năm, cán bộ công nhân viên được xét tăng lương phụ thuộc vị trí công việc, mức độ hoàn thành công việc và năng lực thực tế của nhân viên.

### **Chính sách khen thưởng:**

Mức thu nhập của các bộ công nhân viên được nâng cao đáng kể từ chế độ khen thưởng, bao gồm các hình thức: lương tháng 13, thưởng theo thành tích của Công ty dựa trên kết quả hoạt động hàng năm.

### **Chế độ phúc lợi:**



Việc trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ phúc lợi khác được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

### **Chính sách đào tạo:**

Công ty chú trọng công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Chính sách đào tạo cho nhân viên bao gồm:

- Đào tạo chuyên môn nghiệp vụ: Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo chuyên môn nghiệp vụ như: kỹ năng phục vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng, kỹ năng hướng dẫn, kỹ năng PR, kỹ năng marketing,... Dựa vào tình hình nhu cầu thực tế, Công ty tổ chức mở lớp đào tạo ngay tại Công ty hoặc gửi đi đào tạo tại các tổ chức, trung tâm đào tạo uy tín trong nước.
- Đào tạo về cán bộ phụ trách: đối với từng mảng dịch vụ khác nhau, Công ty có chính sách đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khả năng quản lý đối với cán bộ phụ trách chính, cử đi học các lớp của chương trình “ Dự án phát triển nguồn nhân lực du lịch Việt Nam” do EU tài trợ.
- Đào tạo thông qua hội thảo: Công ty thường xuyên cử cán bộ chủ chốt tham dự buổi hội thảo chuyên đề do Tổng cục Du lịch Việt Nam, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn và các đơn vị trong ngành du lịch tổ chức.

- Thay đổi thành viên HĐQT/ thành viên Hội đồng thành viên/ Chủ tịch, Ban Giám Đốc, Ban kiểm soát, kế toán trưởng: Không.

### **VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty**

#### **1. Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên:**

- Thành viên và cơ cấu của HĐQT : Hội đồng quản trị có 07 thành viên, trong đó có 04 thành viên độc lập không điều hành là Ông Lê Văn An, Bà Thái Diệu Hà, ông Bùi Tấn Tài và ông Huỳnh Bá Lân.

1. Ông Nguyễn Việt Hùng, chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc.
2. Ông Lê Văn An, phó chủ tịch hội đồng quản trị.
3. Ông Đoàn Thiện Tấn, ủy viên hội đồng quản trị kiêm Phó tổng giám đốc.
4. Ông Đặng Trung Nghĩa, ủy viên hội đồng quản trị, kiêm Phó tổng giám đốc.
5. Bà Thái Diệu Hà , ủy viên hội đồng quản trị.
6. Ông Bùi Tấn Tài , ủy viên hội đồng quản trị.
7. Ông Huỳnh Bá Lân, ủy viên hội đồng quản trị.

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

1. Ông Vũ Văn Nhã, Trưởng ban kiểm soát.
2. Ông Đinh Lê Chiến, thành viên.
3. Ông Lâm Hải Đào, thành viên.
4. Ông Nguyễn Thanh Hải, thành viên.
5. Ông Phạm Xuân Đông, thành viên.

- Hoạt động của HĐQT:

#### **Công tác điều hành :**

Trong năm 2009, HĐQT đã tổ chức 3 phiên họp trực tiếp, nhiều phiên hội ý qua điện thoại, văn bản để thảo luận các vấn đề: Công tác tổ chức, công tác đầu tư, xây dựng kế hoạch và các biện pháp triển khai hoạt động kinh doanh; báo cáo và đánh giá nhận định về kết quả kinh doanh quý, 6 tháng, năm nhằm cập nhật kịp thời thông tin để có chỉ đạo sâu sát.

#### **Công tác tổ chức :**

- Phê chuẩn việc thành lập mới Văn phòng giao dịch tại 445 Bạch Đằng và Chi nhánh Cần Thơ.
- Bổ nhiệm nhân sự và thành lập mới Phòng Tiếp thị nhằm đẩy mạnh công tác quảng bá, xây dựng thương hiệu.
- Thành lập Phòng kinh doanh sự kiện nhằm đa dạng hơn các sản phẩm cung cấp cho khách hàng.

#### **Công tác chỉ đạo kinh doanh:**

Hoạt động của HĐQT về công tác chỉ đạo kinh doanh gồm có:

- Đánh giá công tác kinh doanh định kỳ quý, 6 tháng, và cả năm 2009, đề ra phương hướng kinh doanh cho toàn Công ty.
- Thông qua HĐQT kế hoạch kinh doanh 2009 và các giải pháp thực hiện.
- Thảo luận trong HĐQT, nhận định tình hình kinh tế trong và ngoài nước, diễn biến thị trường và nghiên cứu tiềm lực của các đơn vị bạn, qua đó đề ra những giải pháp cụ thể, hữu hiệu nhất cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Thông qua HĐQT phương án chia cổ tức năm 2009 và kế hoạch niêm yết cổ phiếu trên sàn upcom.

#### **Công tác đầu tư :**

- Thông qua kế hoạch đầu tư, sửa chữa nhà hàng Hoàng Lan.
- Bàn bạc, thống nhất chủ trương đầu tư dự án Đắc Nông, trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt, dự kiến thành lập Công ty TNHH Đắc Nông để kinh doanh trạm dừng chân, khu nghỉ dưỡng, giải trí.

#### **Công tác khác :**

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động trên cơ sở hợp lý.
- Rà soát sử dụng lao động phù hợp với quy mô kinh doanh.

#### **Công tác đánh giá, kiểm điểm của HĐQT :**

- **Công tác tổ chức họp và ban hành nghị quyết :**
  - HĐQT tổ chức các phiên họp thường kỳ để kiểm điểm, đánh giá kết quả kinh doanh, phê duyệt phương án, hạng mục đầu tư.
  - Phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát Công ty trong việc theo dõi triển khai các nghị quyết đã ban hành.
- **Công tác điều hành Công ty :**

Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung của nghị quyết mà HĐQT đã thông qua.

- Hoạt động của ban kiểm soát:

Qua một năm thực hiện nhiệm vụ Ban kiểm soát, kết quả giám sát như sau :

- Mức chia cổ tức năm 2009 là 18 % , tương đương 25.349đ/cp. Tăng 3% so với dự kiến (Đại hội đồng cổ đông thường niên 2009 dự kiến mức chi cổ tức năm 2009 là 15%) .
- Việc sửa chữa nhà hàng Hoàng Lan đã xin được giấy phép xây dựng tạm và khởi công vào ngày 01/4/2010 với kinh phí dự toán là 3,4 tỷ ( số tròn ) .
- Về hoạt động kinh doanh: mặc dù việc suy thoái kinh tế 2008-2009 đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh doanh của công ty nói riêng, nhưng bằng sự nỗ lực chung của toàn thể CB,CNV Công ty đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ kế hoạch đã đề ra trong năm 2009 được thể hiện qua số liệu như sau :

1. Doanh thu : 306, tỷ / 415 tỷ
2. Lợi nhuận trước thuế TN : 9.3 tỷ/ 41,8 tỷ

Qua số liệu trên dù tình hình khó khăn nhưng Công ty vẫn đảm bảo kế hoạch kinh doanh và cổ tức chi trả trong năm 2009. Nguyên nhân chính của kết quả trên là việc ổn định giá vốn cho sản phẩm bán ra nhưng chất lượng không đổi, tiết kiệm chi phí, chọn lọc thị phần khách. Ngoài ra còn phối hợp với các phòng nghiệp vụ giám sát một số mặt hoạt động khác như :

- Công tác chăm sóc khách hàng ngày càng chuyên sâu, chất lượng sản phẩm được đảm bảo đúng như hợp đồng đã cam kết khi bán cho khách hàng.
- Giữ vững thương hiệu FIDITOUR trong top 10 của ngành du lịch.
- Đòi sống CB,CNV được cải thiện qua các hình thức thưởng trên lợi nhuận thực hiện của từng cá nhân.
- Kiểm tra đột xuất tồn quỹ tiền mặt tại các đơn vị trực thuộc, tình hình công nợ và tạm ứng v.v..
- Hợp định kỳ cùng HĐQT và BKS, thường xuyên thông tin về tình hình kinh doanh của Công ty và các diễn biến khác của thị trường khi liên quan đến Công ty.
- Việc mở rộng mạng lưới đại lý trong cả nước, đa dạng các lĩnh vực kinh doanh, tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề cao cũng là hướng phát triển tiềm năng của Công ty. Về giám sát tài chính Ban kiểm soát xác nhận số liệu kết quả kinh doanh năm 2009 đã kiểm toán là chính xác, một số chỉ tiêu chủ yếu xin được nhấn mạnh:

**Về tổng tài sản đạt :** 106,426 tỷ/96,324 tỷ tăng 10% so với năm 2008 .

**Về vốn chủ sở hữu đạt :** 53,592 tỷ/52,314 tỷ tăng 2,5% so với năm 2008.

**Về lợi nhuận sau thuế TNDN đạt :** 7,746 tỷ/29,709 tỷ đạt 26 % so với năm 2008 .

**Về tình hình công nợ :** Giống như những năm trước chủ yếu là việc nhận cọc tiền tour vào dịp tết năm 2010 sau khi thực hiện sẽ quyết toán { phải thu : 14,026 tỷ, khách hàng trả trước : 27,3 tỷ }.

**Lãi chia cổ tức năm nay là :** 5,498 tỷ đạt tỷ lệ 18 %.

- Kế hoạch đề tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty : Tiếp tục bổ sung nguồn lực quản lý, thu hút cán bộ bằng các chính sách đãi ngộ hợp lý, áp dụng các công cụ quản trị tiên tiến.

- Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2009

1. Nguyễn Việt Hùng Chủ tịch HĐQT 28.226.000 đ

2. Lê Văn An	PCT HĐQT	21.174.500 đ
3. Đoàn Thiện Tánh	UV HĐQT	14.113.000 đ
4. Đặng Trung Nghĩa	UV HĐQT	14.113.000 đ
5. Thái Diệu Hà	UV HĐQT	14.113.000 đ
6. Huỳnh Bá Lân	UV HĐQT	14.113.000 đ
7. Bùi Tấn Tài	UV HĐQT	14.113.000 đ
8. Vũ Văn Nhã	Trưởng BKS	17.643.900 đ
9. Đinh Lê Chiến	UV BKS	8.821.900 đ
10. Lâm Hải Đào	UV BKS	8.821.900 đ
11. Phạm Xuân Đông	UV BKS	8.821.900 đ
12. Nguyễn Thanh Hải	UV BKS	8.821.900 đ

- Số lượng thành viên HĐQT/Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát/Kiểm soát viên, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty : 04.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần/vốn góp và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần/vốn góp của thành viên HĐQT :

1. Ông Nguyễn Việt Hùng	:18.000 cổ phiếu
2. Ông Đoàn Thiện Tánh	: 9.471 cổ phiếu
3. Ông Đặng Trung Nghĩa	: 6.815 cổ phiếu
4. Bà Thái Diệu Hà	: 6.612 cổ phiếu
5. Ông Bùi Tấn Tài	: 6.051 cổ phiếu
6. Ông Huỳnh Bá Lân	: 6.300 cổ phiếu

- Thông tin về các giao dịch cổ phiếu/chuyển nhượng phần vốn góp của công ty của các thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên, Ban giám đốc điều hành, Ban kiểm soát/Kiểm soát viên và những người liên quan tới các đối tượng nói trên : Không.

## **2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn**

### **2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn trong nước**

- Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông/thành viên góp vốn trong nước
  - Vốn điều lệ hiện hữu : 30.545.000.000.000 đồng
  - Cổ phần hiện hữu : 305.450 cổ phần
  - Cổ đông hiện hữu : 224, trong đó: 5 cổ đông là tổ chức, 221 là cá nhân, cụ thể:
    - \* Cổ đông Nhà nước: 60.000 cổ phần, chiếm 19,64%
    - \* Cổ đông pháp nhân khác: 38.064 cổ phần, chiếm 12,46%
    - \* Cổ đông cá nhân: 207.386, chiếm 67,90 %.
- Thông tin chi tiết về từng cổ đông lớn/thành viên góp vốn

+ Tổng công ty du lịch Sài Gòn, địa chỉ : 23 Lê Lợi, quận Một, tp. Hồ Chí Minh – Điện thoại : 3822 5887 – 3822 5874 . Số cổ phần sở hữu : 60.000 cổ phần, chiếm 19.6 %/ tổng vốn Điều lệ.

+ Công ty cổ phần Kiến Á, địa chỉ : 216 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận Ba. Số cổ phần sở hữu : 24.828 cổ phần, chiếm 8.13 %/ tổng vốn Điều lệ.

+ Ông Nguyễn Việt Hùng, sinh năm 1958. Địa chỉ : 2/11 Cao Thắng, quận Ba. Số cổ phần sở hữu : 18.000 cổ phần, chiếm 5.89 %/ tổng vốn Điều lệ.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN VIỆT HÙNG**